

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ

Cho kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35

U111
CHI
CÔNG
:ĂNG
N 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn số 4104000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 07 năm 2006. Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 01 năm 2013. Từ ngày 17 tháng 05 năm 2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch	Bầu ngày 27/04/2016
Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên	Bầu ngày 27/04/2016
Ông Trần Anh Vương	Thành viên	Bầu ngày 27/04/2016
Ông Nguyễn Đông Hòa	Thành viên	Bầu ngày 27/04/2016
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	Bầu ngày 27/04/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hồ Thị Ngọc Như	Trưởng ban	Bầu ngày 27/04/2016
Bà Huỳnh Thanh Hồng	Thành viên	Bầu ngày 27/04/2016
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bầu ngày 27/04/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/05/2016
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/05/2016
Ông Lê Song Trọng Chinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2016
Ông Dư Hữu Danh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/05/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

105-C

NHÁ
TỶ T
KIỂM
AASC

P. HỒ

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
15 Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11,
Thành phố Hồ Chí Minh

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Anh

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

06-C.
VH
HH
TOÁN
CHÍ MINH

Số: 175 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Theo thông tin trình bày tại thuyết minh số 32 Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả nội dung liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng thuê tài chính trong giai đoạn trước khi cổ phần mà Công ty có thể liên đới chịu trách nhiệm.
- Tại thuyết minh số 33 Bản thuyết minh báo cáo tài chính, đang mô tả các nội dung liên quan đến việc số liệu tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần chưa được quyết toán cổ phần hóa, do đó một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính tại ngày 16/05/2016 có thể có thay đổi khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

Ý kiến kiểm toán nêu trên của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	17/05/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		891.171.665.992	831.472.007.461
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.183.069.825	81.569.156.160
111	1. Tiền		6.983.069.825	18.569.156.160
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	63.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	821.408.088.730	732.245.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		42.347.095.125	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		779.060.993.605	732.245.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		52.709.283.200	11.781.625.462
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	595.632.501	1.403.526.837
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.561.225.591	2.866.727.651
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	50.552.425.108	7.511.370.974
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.283.874.094	3.621.928.686
141	1. Hàng tồn kho		4.283.874.094	3.621.928.686
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.587.350.143	2.254.297.153
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	1.587.350.143	1.849.427.163
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	404.869.990
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		603.230.758.344	701.430.250.913
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.850.656.948	12.778.456.948
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	240.000.000	240.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	12.650.656.948	12.538.456.948
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(7.040.000.000)	-
220	II. Tài sản cố định		188.533.127.829	203.551.855.451
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	188.381.002.131	203.489.784.193
222	- Nguyên giá		424.745.289.516	415.224.766.236
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(236.364.287.385)	(211.734.982.043)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	152.125.698	62.071.258
228	- Nguyên giá		29.530.636.215	29.377.976.215
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.378.510.517)	(29.315.904.957)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.489.967.010	1.230.703.169
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	9.489.967.010	1.230.703.169
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	274.443.017.683	345.175.783.683
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		253.277.125.000	253.277.125.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		21.165.892.683	21.165.892.683
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	70.732.766.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		124.913.988.874	138.693.451.662
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	124.913.988.874	138.693.451.662
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.494.402.424.336	1.532.902.258.374

05-00
HÀNH
TY TNHH
KIỂM TOÁN
ASC
HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	17/05/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		233.021.401.280	276.375.334.094
310	I. Nợ ngắn hạn		231.744.321.280	275.022.254.094
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	11.945.128.105	10.424.546.814
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	14.664.257.434	44.054.132.005
314	3. Phải trả người lao động		7.065.284.591	13.581.328.258
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	507.877.869	516.211.397
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	197.561.773.281	191.302.746.632
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	15.143.288.988
330	II. Nợ dài hạn		1.277.080.000	1.353.080.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	1.277.080.000	1.353.080.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.261.381.023.056	1.256.526.924.280
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.261.381.023.056	1.256.526.924.280
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.686.924.280	69.686.924.280
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.854.098.776	-
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		4.854.098.776	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.494.402.424.336	1.532.902.258.374


Trương Thị Kim Phụng
Người lập


Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	178.517.664.094	147.998.635.538
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		178.517.664.094	147.998.635.538
11	4. Giá vốn hàng bán	21	190.274.989.237	117.260.682.194
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(11.757.325.143)	30.737.953.344
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	50.349.433.715	102.978.706.658
22	7. Chi phí tài chính	23	584.900.650	7.998.304.554
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		574.600.000	-
24	8. Chi phí bán hàng	24	5.540.789.218	6.115.941.383
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25.922.006.451	7.516.384.033
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.544.412.253	112.086.030.032
31	11. Thu nhập khác	26	2.283.212.963	877.859.759
32	12. Chi phí khác	27	3.973.526.440	649.698.587
40	13. Lợi nhuận khác		(1.690.313.477)	228.161.172
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.854.098.776	112.314.191.204
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	22.374.094.772
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.854.098.776	89.940.096.432
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	41	


Trương Thị Kim Phụng
Người lập


Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.854.098.776	112.314.191.204
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		27.575.736.380	9.316.750.285
03	- Các khoản dự phòng		7.040.000.000	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(51.211)	706.183
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(49.014.775.084)	(94.981.108.287)
06	- Chi phí lãi vay		574.600.000	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(8.970.391.139)	26.650.539.385
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.838.417.297	924.996.110
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(661.945.408)	402.181.927
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(27.020.804.447)	21.133.314.589
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14.041.539.808	(70.650.577)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(42.347.095.125)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(574.600.000)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.633.741.151)	(12.537.379.691)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	10.490.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.681.848.320)	(59.709.619.738)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(69.010.468.485)	(23.196.127.995)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(23.102.018.652)	(9.076.509.157)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		951.818.182	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(105.035.496.106)	(726.025.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		128.952.766.000	105.885.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.874.800.411	19.942.295.240
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.641.869.835	(609.274.213.917)

001
CHI
CÔN
HÃNG
4

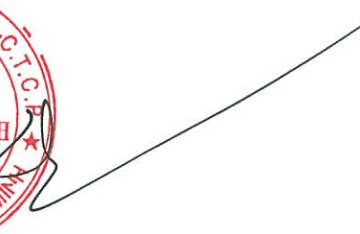
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	674.975.324.280
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(143.382)
33	3. Tiền thu từ đi vay		38.200.000.000	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(38.200.000.000)	-
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.017.538.896)	(25.458.611.748)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.017.538.896)	649.516.569.150
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(70.386.137.546)	17.046.227.238
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		81.569.156.160	64.523.635.105
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		51.211	(706.183)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	11.183.069.825	81.569.156.160


Trương Thị Kim Phụng
Người lập


Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017



105-0
NHÀ
GTY TN
KIỂM
AASC
TP. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 17/05/2016 đến ngày 31/12/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh 17/05/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.186.840.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.186.840.000.000 đồng; tương đương 118.684.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn, lữ hành ...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế - nội địa;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa;
- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hoa, cá kiểng, động vật (chim, cá sấu, trăn, rắn);
- Quảng cáo;
- Tổ chức liên hoan, hội chợ;
- Giữ rừng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2016, Sở tài nguyên môi trường và chi cục thuế đã điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất, chính vì vậy, tiền thuê đất tăng cao. Ngoài ra, Công ty thực hiện phân bổ giá trị công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao, chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh từ giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp trong giai đoạn cổ phần hóa, đồng thời Công ty xem xét trích lập dự phòng các khoản nợ xấu. Mặt khác, Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính theo nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Do đó, kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này biến động so với cùng kỳ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các điểm kinh doanh sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Công viên Văn hóa Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí
Khu du lịch sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vui chơi, giải trí
Khách sạn Phú Thọ	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, ăn uống
Khách sạn Ngọc Lan	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, ăn uống
Trung tâm chăm sóc sức khỏe và giải trí Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe
Nhà hàng Thủy Tạ Đầm Sen	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ ăn uống
Nhà hàng 79 - Đặc sản thiên nhiên Vàm Sát Cần Giờ	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ ăn uống

06-C.
VH
HH
TOÁN
CHÍ MINH

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

1111
CHI N
CÔNG
ÂNG K
A
V - T

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Theo khoản 2, điều 6 của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 01 năm đến dưới 02 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 02 năm đến dưới 03 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 06 năm
- Chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng	05 năm
- Phần mềm quản lý	03-05 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

05-
HÀ
TY T
IỂM
ASC
HỒ

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong 10 năm theo quy định của Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về sử dụng dịch vụ phòng massage, vé trọn gói, doanh thu bảo vệ rừng

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

006-C
NH
NH
TOÁN
CHÍ MINH

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ trước và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do Các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	17/05/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.009.982.000	1.208.332.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.962.618.625	17.358.565.660
Tiền đang chuyển	10.469.200	2.258.000
Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	63.000.000.000
	11.183.069.825	81.569.156.160

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 4.200.000.000 VND.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		17/05/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Ngắn hạn	779.060.993.605	779.060.000.000	732.245.000.000	732.245.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	779.060.000.000	779.060.000.000	732.245.000.000	732.245.000.000
Các khoản khác	993.605	-	-	-
Dài hạn	-	-	70.732.766.000	70.732.766.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	70.732.766.000	70.732.766.000
	779.060.993.605	779.060.000.000	802.977.766.000	802.977.766.000

b) Chứng khoán kinh doanh ngắn hạn

	31/12/2016		17/05/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	42.347.095.125	42.886.480.000	-	-
	42.347.095.125	42.886.480.000	-	-

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư: Công ty thực hiện mua 4.712.800 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom với giá trị 42.347.95.125 VND.

Giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		17/05/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	253.277.125.000	-	253.277.125.000	-
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	253.277.125.000	-	253.277.125.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	21.165.892.683	-	21.165.892.683	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	17.002.690.096	-	17.002.690.096	-
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	4.163.202.587	-	4.163.202.587	-
	<u>274.443.017.683</u>	<u>-</u>	<u>274.443.017.683</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Thành phố Hồ Chí Minh	33,54%	33,54%	Dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm:

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	13,67%	13,67%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	Tỉnh Quảng Trị	3,23%	3,23%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	17/05/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giờ	64.991.000	437.713.385
- Võ Trung Thiệp	240.000.000	240.000.000
- Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	-	106.795.000
- Công ty Cổ phần truyền thông và Dịch vụ truyền hình TVC	89.275.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	441.366.501	859.018.452
	<u>835.632.501</u>	<u>1.643.526.837</u>

b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	595.632.501	1.403.526.837
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	240.000.000	240.000.000
	<u>835.632.501</u>	<u>1.643.526.837</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		17/05/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thương mại Huỳnh Nguyễn	-	-	2.297.537.197	-
Công ty TNHH Khu mua sắm đệ nhất Phan Khang	399.781.364	-	-	-
Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí OKULELE	225.218.599	-	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Tiền Phong	193.783.920	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Phú Việt	207.272.727	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	535.168.981	-	569.190.454	-
	<u>1.561.225.591</u>	<u>-</u>	<u>2.866.727.651</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		17/05/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức được chia	14.588.762.400	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi	34.978.980.941	-	7.094.338.296	-
Phải thu về BHXH	259.536.800	-	-	-
Phải thu về BHYT	48.728.850	-	-	-
Phải thu về BHTN	32.442.100	-	-	-
Phải thu thuế TNCN của nhân viên	147.793.107	-	34.460.228	-
Phải thu tiền điện, nước	233.180.910	-	-	-
Phải thu khác	263.000.000	-	382.572.450	-
	<u>50.552.425.108</u>	<u>-</u>	<u>7.511.370.974</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.490.000.000	-	1.377.800.000	-
Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	-
Phải thu của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen(*)	10.960.656.948	(6.600.000.000)	10.960.656.948	-
	<u>12.650.656.948</u>	<u>(6.800.000.000)</u>	<u>12.538.456.948</u>	<u>-</u>

(*) Chi tiết các khoản phải thu liên quan đến Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen như sau

	31/12/2016	17/05/2016
	VND	VND
- Cho vay	6.600.000.000	6.600.000.000
- Chi phí lãi vay	1.432.135.066	1.432.135.066
- Các khoản trả hộ cho Công ty Kexim và siêu thị	2.032.385.490	2.032.385.490
- Khoản phải thu liên quan đến nhập vật tư	240.000.000	240.000.000
- Thuế GTGT trả hộ	615.227.301	615.227.301
- Các khoản khác	40.909.091	40.909.091
	10.960.656.948	10.960.656.948

Các khoản phải thu này phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		17/05/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000	-	200.000.000	-
Ông Võ Trung Thiệp	240.000.000	-	240.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
	7.040.000.000	-	7.040.000.000	-

Các khoản nợ xấu đã quá hạn thanh toán trên 03 năm và được công ty trích lập dự phòng 100%.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		17/05/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.919.215.119	-	2.187.817.526	-
Hàng hoá	1.364.658.975	-	1.434.111.160	-
	4.283.874.094	-	3.621.928.686	-

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	17/05/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.304.636.989	1.679.119.059
- Chi phí sửa chữa	67.292.000	148.268.100
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	215.421.154	22.040.004
	<u>1.587.350.143</u>	<u>1.849.427.163</u>
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	20.692.112.993	28.095.288.080
- Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	95.485.069.064	101.836.140.168
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	909.681.516	1.021.181.795
- Chi phí Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	6.995.003.594	6.995.003.594
- Chi phí trả trước dài hạn khác	832.121.707	745.838.025
	<u>124.913.988.874</u>	<u>138.693.451.662</u>

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện xác định Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014. Giá trị này đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6040/QĐ-UBND ngày 17/11/2015.

. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	243.340.368.657	142.284.429.943	27.815.261.039	1.181.647.324	603.059.273	415.224.766.236
- Mua trong kỳ	-	2.542.596.147	390.800.000	-	1.518.000.000	4.451.396.147
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	10.238.698.664	-	-	-	-	10.238.698.664
- Thanh lý, nhượng bán	(1.155.140.377)	(3.799.431.154)	-	-	(215.000.000)	(5.169.571.531)
Số dư cuối kỳ	252.423.926.944	141.027.594.936	28.206.061.039	1.181.647.324	1.906.059.273	424.745.289.516
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	106.502.746.643	89.754.138.478	14.388.181.595	869.011.349	220.903.978	211.734.982.043
- Khấu hao trong kỳ	13.830.096.941	11.268.790.320	2.199.714.938	70.097.565	144.431.056	27.513.130.820
- Thanh lý, nhượng bán	(798.216.513)	(2.056.566.618)	-	-	(29.042.347)	(2.883.825.478)
Số dư cuối kỳ	119.534.627.071	98.966.362.180	16.587.896.533	939.108.914	336.292.687	236.364.287.385
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	136.837.622.014	52.530.291.465	13.427.079.444	312.635.975	382.155.295	203.489.784.193
Tại ngày cuối kỳ	132.889.299.873	42.061.232.756	11.618.164.506	242.538.410	1.569.766.586	188.381.002.131

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.925.676.840 VND

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.853.227.488	27.524.748.727	29.377.976.215
- Mua trong kỳ	152.660.000	-	152.660.000
Số dư cuối kỳ	<u>2.005.887.488</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>29.530.636.215</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.791.156.230	27.524.748.727	29.315.904.957
- Khấu hao trong kỳ	62.605.560	-	62.605.560
Số dư cuối kỳ	<u>1.853.761.790</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>29.378.510.517</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	62.071.258	-	62.071.258
Tại ngày cuối kỳ	<u>152.125.698</u>	<u>-</u>	<u>152.125.698</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.313.976.215 VND

13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016 VND	17/05/2016 VND
- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các hạng mục thuộc Công Viên Đầm Sen	8.606.142.282	1.111.768.832
- Sửa chữa, cải tạo Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Vàm Sát	424.958.826	54.632.415
- Sửa chữa, cải tạo Nhà hàng Thủy Tạ	-	64.301.922
- Sửa chữa, cải tạo Khách sạn Ngọc Lan	458.865.902	-
	<u>9.489.967.010</u>	<u>1.230.703.169</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		17/05/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết người bán có số dư lớn				
Văn phòng Thành ủy	-	-	1.353.371.538	1.353.371.538
Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thương mại Huỳnh Nguyễn Phùng	1.113.957.429	1.113.957.429	-	-
Anky International Limited Company	1.685.717.918	1.685.717.918	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	9.145.452.758	9.145.452.758	9.071.175.276	9.071.175.276
	<u>11.945.128.105</u>	<u>11.945.128.105</u>	<u>10.424.546.814</u>	<u>10.424.546.814</u>

. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.559.974.578	10.766.087.446	12.664.100.838	-	661.961.186
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	217.323.604	1.058.772.602	1.125.047.417	-	151.048.789
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	176.217.250	176.217.250	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	18.338.578.354	-	3.633.741.151	-	14.704.837.203
Thuế Thu nhập cá nhân	-	(31.921.075)	(495.176.615)	327.301.974	-	(854.399.664)
Thuế Tài nguyên	-	909.200	5.732.760	5.832.040	-	809.920
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	22.968.559.147	38.675.000.331	61.643.559.478	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	708.197	177.246.186	177.954.383	-	-
	-	44.054.132.005	50.363.879.960	79.753.754.531	-	14.664.257.434

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	17/05/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	193.781.000	86.041.720
- Bảo hiểm xã hội	-	265.551.936
- Bảo hiểm y tế	-	43.771.935
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	14.578.270
- Phải trả tiền đặt cọc	1.426.543.500	1.072.587.845
- Lợi nhuận phải trả cho Tổng Công ty	146.816.064.707	157.600.235.619
- Phải trả lợi nhuận phải trả cho bên hợp tác kinh doanh	265.244.356	498.612.340
- Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt(*)	29.080.056.313	29.080.056.313
- Phải trả Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng TP. Hồ Chí Minh tiền phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng	90.341.823	355.306.323
- Giá trị bảo hành của các hợp đồng xây dựng	1.146.514.808	1.957.380.150
- Phải trả người lao động phí phục vụ	3.566.265.704	-
- Phải trả người lao động tiền khen thưởng, phúc lợi	13.461.440.668	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.515.520.402	328.624.181
	197.561.773.281	191.302.746.632
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.277.080.000	1.353.080.000
	1.277.080.000	1.353.080.000

(*) Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt như sau:

	31/12/2016	17/05/2016
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	27.809.090.884	27.809.090.884
- Doanh thu kinh doanh trung tâm Bowling Đầm Sen	1.170.965.429	1.170.965.429
- Lãi vay phải trả	100.000.000	100.000.000
	29.080.056.313	29.080.056.313

Các khoản phải trả này phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động.

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2016	17/05/2016
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	507.877.869	516.211.397
	507.877.869	516.211.397

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2016	183.204.441.879	-	398.347.301.503	78.811.778.850	660.363.522.232
Phát hành cổ phần	605.288.400.000	69.686.924.280	-	-	674.975.324.280
Kết chuyển nguồn tại thời điểm cổ phần hóa	398.347.301.503	-	(398.347.301.503)	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	89.940.096.432	89.940.096.432
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(21.221.281.000)	(21.221.281.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(287.436.000)	(287.436.000)
Chuyển trả vốn nhà nước	(143.382)	-	-	-	(143.382)
Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty	-	-	-	(146.884.757.904)	(146.884.757.904)
Giảm khác	-	-	-	(358.400.378)	(358.400.378)
Số dư cuối ngày 16/05/2016	1.186.840.000.000	69.686.924.280	-	-	1.256.526.924.280
Số dư đầu ngày 17/05/2016	1.186.840.000.000	69.686.924.280	-	-	1.256.526.924.280
Lãi trong kỳ	-	-	-	4.854.098.776	4.854.098.776
Số dư cuối ngày 31/12/2016	1.186.840.000.000	69.686.924.280	-	4.854.098.776	1.261.381.023.056

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2016	Tỷ lệ	17/05/2016
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn - CTCP	49,00	581.551.600.000	49,00	581.551.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	28,98	343.892.770.000	28,98	343.892.770.000
Vũ Quang Vịnh	-	-	14,37	170.535.950.000
Cổ đông khác	22,02	261.395.630.000	7,66	90.859.680.000
	<u>100</u>	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>100</u>	<u>1.186.840.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.186.840.000.000	183.204.441.879
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	1.003.635.701.503
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	(143.382)
- Vốn góp cuối kỳ	1.186.840.000.000	1.186.840.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	17/05/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	118.684.000	118.684.000
- Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	118.684.000	118.684.000
- Cổ phiếu phổ thông	118.684.000	118.684.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2016	17/05/2016
Đô la Mỹ	USD	-	3.917,95

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.548.495.745	2.860.201.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	175.969.168.349	145.138.434.356
	<u>178.517.664.094</u>	<u>147.998.635.538</u>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan 438.215.419 253.834.581

(Xem thông tin chi tiết tại Phụ lục minh 26)

15-C.T.
JH
HH
TOÁN
HỒ CHÍ MINH

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	1.340.231.014	1.515.245.423
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	188.934.758.223	115.745.436.771
	190.274.989.237	117.260.682.194

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	35.759.940.555	6.697.819.004
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.588.762.400	3.117.258.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	679.549	216.054
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	51.211	-
Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư(*)	-	93.163.413.500
	50.349.433.715	102.978.706.658

(*) Thực hiện đánh giá giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần theo quy định của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011.

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	574.600.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	506.076	216.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	706.183
Chi phí tài chính khác	9.794.574	-
Lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư(*)	-	7.997.382.317
	584.900.650	7.998.304.554

(*) Thực hiện đánh giá giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần theo quy định của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011.

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.645.820	36.030.162
Chi phí nhân công	696.525.366	414.621.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.122.608	48.669.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.305.783	67.325.432
Chi phí khác bằng tiền	4.661.189.641	5.549.294.036

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	198.704.132	46.383.602
Chi phí nhân công	7.419.143.189	3.553.489.042
Chi phí khấu hao tài sản cố định	419.093.814	270.466.980
Chi phí dự phòng	7.040.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	329.203.924	322.684.906
Chi phí khác bằng tiền	4.164.790.288	3.323.359.503
Chi phí lợi thế kinh doanh	6.351.071.104	-
	25.922.006.451	7.516.384.033

26 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	951.818.182	-
Thu nhập khác	1.331.394.781	877.859.759
	2.283.212.963	877.859.759

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	2.285.746.053	-
Giá trị còn lại của CCDC được thanh lý	889.209.021	-
Chi phí phạt chậm nộp tiền thuê đất và vi phạm hành chính	114.692.125	-
Chi phí khác	683.879.241	649.698.587
	3.973.526.440	649.698.587

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.854.098.776	112.314.191.204
Các khoản điều chỉnh tăng	1.431.879.211	613.931.362
Các khoản điều chỉnh giảm	(14.588.762.400)	(3.117.258.100)
Thu nhập tính thuế TNDN	(8.302.784.413)	109.810.864.466
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	-	411.921.879
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	22.374.094.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	18.338.578.354	8.501.863.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(3.633.741.151)	(12.537.379.691)

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016
	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.854.098.776
Các khoản điều chỉnh	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.854.098.776
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	118.684.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	41

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Do Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần vào ngày 17/05/2016, do đó, không có số liệu so sánh của kỳ trước.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.285.298.212	23.311.797.807
Chi phí nhân công	44.014.128.968	31.854.414.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.575.736.380	9.316.750.285
Chi phí dự phòng	7.040.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.592.564.163	20.240.803.436
Chi phí khác bằng tiền	71.795.035.881	44.653.996.424
	215.302.763.604	129.377.762.187

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		17/05/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.183.069.825	-	81.569.156.160	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	64.038.714.557	(7.040.000.000)	21.693.354.759	-
Các khoản cho vay	779.060.993.605	-	802.977.766.000	-
Đầu tư ngắn hạn	42.347.095.125	-	-	-
Đầu tư dài hạn	21.165.892.683	-	21.165.892.683	-
	917.795.765.795	(7.040.000.000)	927.406.169.602	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	17/05/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	210.783.981.386	203.080.373.446
	210.783.981.386	203.080.373.446

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

06-C
NH
NH
TOÁN
CHÍNH

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.183.069.825	-	-	11.183.069.825
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.148.057.609	5.850.656.948	-	56.998.714.557
Các khoản cho vay	779.060.993.605	-	-	779.060.993.605
Đầu tư ngắn hạn	42.347.095.125	-	-	42.347.095.125
Đầu tư dài hạn	-	21.165.892.683	-	21.165.892.683
	883.739.216.164	27.016.549.631	-	910.755.765.795
Tại ngày 17/05/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.569.156.160	-	-	81.569.156.160
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.914.897.811	12.778.456.948	-	21.693.354.759
Các khoản cho vay	732.245.000.000	70.732.766.000	-	802.977.766.000
Đầu tư dài hạn	-	21.165.892.683	-	21.165.892.683
	822.729.053.971	104.677.115.631	-	927.406.169.602

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	209.506.901.386	1.277.080.000	-	210.783.981.386
	209.506.901.386	1.277.080.000	-	210.783.981.386
Tại ngày 17/05/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	201.727.293.446	1.353.080.000	-	203.080.373.446
	201.727.293.446	1.353.080.000	-	203.080.373.446

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 01/06/1997, Công ty ký hợp đồng hợp tác liên doanh số 07/HD97 với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. Trong quá trình thực hiện, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt có ký hợp đồng thuê tài sản từ một công ty cho thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam (tên cũ Công ty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam).

Trong năm 1999, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt và Công ty Kexim Việt Nam xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng cho thuê tài chính. Ngày 12/01/2010, Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh bản án số 02/2010/KDTM-PT quyết định, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính trên. Sau đó Công ty đã nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý. Vụ án được Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 13/12/2013. Theo đó, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành bản án số 1457/2013/KDTM-ST quyết định Công ty có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam số tiền 2.022.082,725 USD trừ đi 127.772.000 VND do Công ty đã trả trước và nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước tiền cho thuê mặt bằng tòa nhà Bowling Đầm Sen (tầng trệt) số tiền 200.000.000 VND/tháng.

Ngày 06/01/2014 Công ty tiếp tục nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30/09/2014 Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án để chờ kết quả định giá tài sản tranh chấp của Công ty Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam và Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại này khi lý do tạm đình chỉ bị hủy.

Đến thời điểm 31/12/2016, Tòa án Nhân dân Tối cao chưa có phán quyết cuối cùng. Do đó, các nghĩa vụ nêu trên (hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam số tiền 2.022.082,725 USD - 127.772.000 VND và nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước tiền cho thuê mặt bằng tòa nhà Bowling Đầm Sen (tầng trệt) số tiền 200.000.000 VND/tháng) chưa được Công ty phản ánh vào báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan vấn đề này sẽ được Công ty ghi nhận đầy đủ vào sổ kế toán và phản ánh đầy đủ vào báo cáo tài chính khi có bản án chính thức từ Tòa án Nhân dân Tối cao.

33 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 30/11/2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.186.840.000.000 VND tương ứng 118.684.000 cổ phần theo Quyết định số 6321/QĐ-UBND. Từ ngày 17 tháng 05 năm 2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty cũng đã hoàn thành Báo cáo quyết toán cổ phần hóa và trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Ngày 05/05/2016, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh gửi Thông báo số 5155/TB-CT cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ về việc xác định lại Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2015 của khu đất có diện tích 318.636 m² tại số 03 Hòa Bình, phường 3, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh. Theo đó, Đơn giá mới được xác định như sau

- Từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2010 đơn giá thuê đất được xác định là 60.000 đồng/ m²;
- Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2014 đơn giá thuê đất được xác định là 178.200 đồng/ m²;
- Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 31/12/2015 đơn giá thuê đất là 225.720 đồng/ m² (đối với 107.431,4 m² đất kinh doanh làm khu vui chơi giải trí) và 166.320 đồng/ m² (đối với 211.204,6 m² đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh).

Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa thống nhất được diện tích sử dụng, đơn giá thuê đất cũng như Công ty chưa nhận được thông báo tiền thuê đất chính thức của Chi cục thuế Quận 11. Mặt khác, Công ty đã gửi các văn bản đến các cơ quan có chức năng nhằm đề xuất xem xét miễn, giảm và xác định lại đơn giá tiền thuê đất trong giai đoạn này. Vì vậy, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa xem xét nộp, hạch toán bổ sung tiền thuê đất này, đồng thời, chưa xem xét ảnh hưởng của vấn đề này đến tiền thuế TNDN và phân phối lợi nhuận trong thời gian từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2015.

Đến thời điểm này, UBND Tp. Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ do đó trong thời gian chờ ý kiến cuối cùng từ UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty tạm thời chưa kê khai và nộp toàn bộ tiền thuê đất nêu trên cũng như các nghĩa vụ phải nộp khác với Nhà nước có liên quan.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ vui chơi, giải trí	Nhà hàng - khách sạn	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	150.280.317.237	15.816.803.565	12.420.543.292	178.517.664.094
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>(16.509.668.682)</u>	<u>(657.273.828)</u>	<u>5.409.617.367</u>	<u>(11.757.325.143)</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	22.362.072.296	681.576.356	58.370.000	23.102.018.652
Tài sản bộ phận trực tiếp	310.026.083.703	11.568.171.077	1.172.808.169.556	1.494.402.424.336
Tổng tài sản	<u>310.026.083.703</u>	<u>11.568.171.077</u>	<u>1.172.808.169.556</u>	<u>1.494.402.424.336</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.542.777.494	262.961.788	231.215.661.998	233.021.401.280
Tổng nợ phải trả	<u>1.542.777.494</u>	<u>262.961.788</u>	<u>231.215.661.998</u>	<u>233.021.401.280</u>

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty diễn ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

5-006-
ÁNH
TNHH
M TOÁN
SC
HỒ CHÍ MINH

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016 VND
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết		
- Doanh thu cho thuê mặt bằng		438.215.419	253.834.581
- Cổ tức được chia		14.588.762.400	3.117.258.100
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - CTCP	Cổ đông lớn		
Kết chuyển lợi nhuận		-	147.110.189.453

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	17/05/2016 VND
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết	14.588.762.400	-
Phải trả khác			
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - CTCP	Cổ đông lớn	146.816.064.707	157.600.235.619
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Công ty liên kết	148.304.000	346.727.961

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 17/05/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 16/05/2016 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.672.552.803	1.051.832.073

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AASC kiểm toán.

Trương Thị Kim Phụng
Người lập

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

